ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Thông báo số 69/2020/TB-LPQT ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc điều ước quốc tế có hiệu lực: "Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia"

(Tiếp theo Công báo số 189 + 190)

BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

NGHỊ ĐỊNH THƯ
PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ
VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

Tập 5: Phụ lục 2 đính kèm Nghị định thư
(Bảng đăng ký mốc giới, từ mốc số 180/1 đến mốc số 314 thuộc các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang)

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/16(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 7 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 232/16(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/16(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/16(1) và cột mốc số 232/16(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 47,97m.</td><td rowspan="3">1203683,42
540239,37</td><td rowspan="3">10 53 18,864
105 22 05,536</td><td>3,74
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,54</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/15(3) đến cột mốc số 232/16(1) là 200°34'57,960", khoảng cách là 1041,47m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/16(1) đến cột mốc số 232/16(2) là 114°21'08,511", khoảng cách là 93,71m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/16(1) đến cột mốc số 232/17(1) là 255°23'56,770", khoảng cách là 956,86m.</td><td colspan="3"> 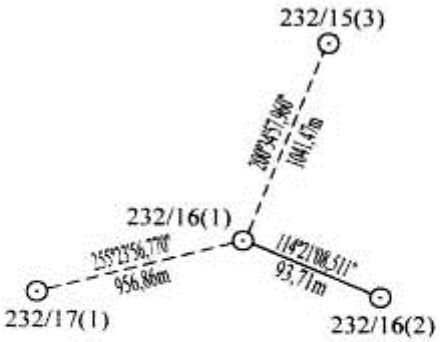
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/16(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 11 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td>Cột mốc số 232/16(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/16(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 232/16(2) và cột mốc số 232/16(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) là 45,74m.</td><td>1203644,78
540324,74</td><td>10 53 17,603
105 22 08,347</td><td>4,76
(1,20)
Độ cao mặt đất
(m)
3,56</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/15(3) đến cột mốc số 232/16(2) là 195°28'56,792", khoảng cách là 1051,80m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/16(1) đến cột mốc số 232/16(2) là 114°21'08,511", khoảng cách là 93,71m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/16(2) đến cột mốc số 232/17(1) là 258°40'24,629", khoảng cách là 1031,42m.</td><td colspan="3"> 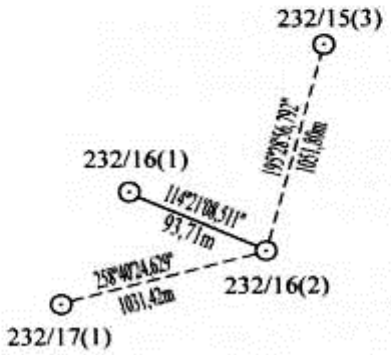
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/17(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 11 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="4">Cột mốc số 232/17(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/17(1) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Ka Đông chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 48,43m.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/17(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/17(2) là 49,19m.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/17(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/17(3) là 49,41m.</td><td rowspan="4">1203442,21
539313,41</td><td rowspan="4">10 53 11,047
105 21 35,025</td><td>5,14
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,94</td></tr>
<tr><td></td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td colspan="2">Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/16(2) đến cột mốc số 232/17(1) là 258°40'24,629", khoảng cách là 1031,42m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/17(1) đến cột mốc số 232/17(2) là 259°18'06,987", khoảng cách là 88,88m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/17(1) đến cột mốc số 232/17(3) là 334°39'00,169", khoảng cách là 101,02m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/17(2) đến cột mốc số 232/17(3) là 22°14'46,799", khoảng cách là 116,46m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/17(1) đến cột mốc số 232/18(1) là 192°08'03,579", khoảng cách là 726,10m.</td><td colspan="2"> 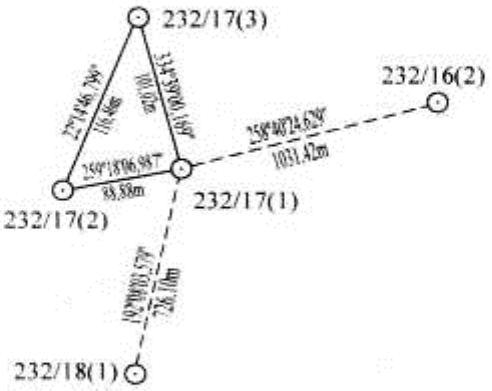
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/17(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 7 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 232/17(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/17(2) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Ka Đông chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 75,57m.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/17(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/17(1) là 39,69m.</td><td rowspan="3">1203425,71
539226,07</td><td rowspan="3">10 53 10,514
105 21 32,147</td><td>3,92
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,72</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/16(2) đến cột mốc số 232/17(2) là 258°43'24,122", khoảng cách là 1120,30m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/17(1) đến cột mốc số 232/17(2) là 259°18'06,987", khoảng cách là 88,88m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/17(1) đến cột mốc số 232/17(3) là 334°39'00,169", khoảng cách là 101,02m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/17(2) đến cột mốc số 232/17(3) là 22°14'46,799", khoảng cách là 116,46m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/17(2) đến cột mốc số 232/18(1) là 185°22'45,194", khoảng cách là 696,45m.</td><td colspan="3"> 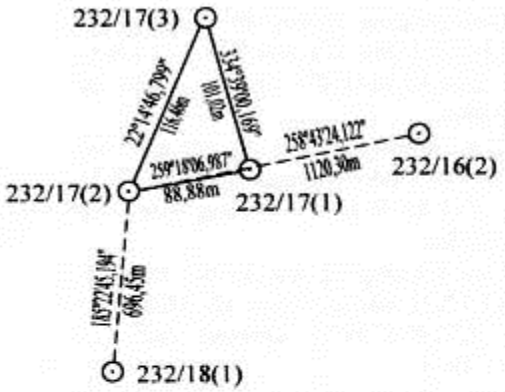
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/17(3)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 7 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 232/17(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/17(3) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Ka Đông chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 56,57m.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/17(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/17(1) là 51,61m.</td><td rowspan="3">1203533,50
539270,16</td><td rowspan="3">10 53 14,022
105 21 33,604</td><td>4,20
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,00</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/16(2) đến cột mốc số 232/17(3) là 263°58'35,044", khoảng cách là 1060,43m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/17(1) đến cột mốc số 232/17(2) là 259°18'06,987", khoảng cách là 88,88m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/17(1) đến cột mốc số 232/17(3) là 334°39'00,169", khoảng cách là 101,02m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/17(2) đến cột mốc số 232/17(3) là 22°14'46,799", khoảng cách là 116,46m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/17(3) đến cột mốc số 232/18(1) là 187°46'27,340", khoảng cách là 808,60m.</td><td colspan="3"> 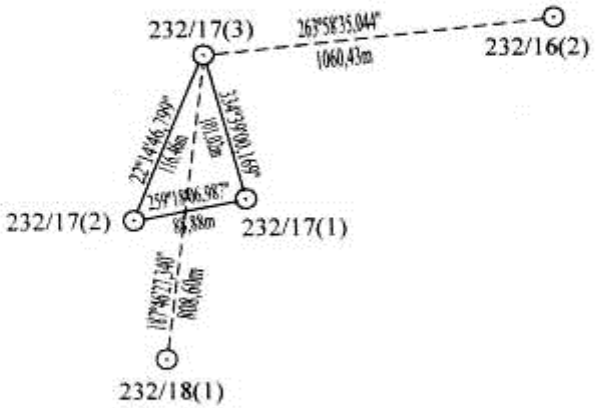
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/18(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 7 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td>Cột mốc số 232/18(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/18(1) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy kênh không tên chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 27,91m.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/18(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/18(2) là 24,98m.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/18(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/18(3) là 39,23m.</td><td>1202732,33
539160,78</td><td>10 52 47,941
105 21 29,970</td><td>3,90
(1,20)
Độ cao mặt đất
(m)
2,70</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/17(3) đến cột mốc số 232/18(1) là 187°46'27,340", khoảng cách là 808,60m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/18(1) đến cột mốc số 232/18(2) là 152°41'41,316", khoảng cách là 52,62m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/18(1) đến cột mốc số 232/18(3) là 217°58'37,942", khoảng cách là 68,82m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/18(2) đến cột mốc số 232/18(3) là 263°34'22,117", khoảng cách là 66,91m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/18(1) đến cột mốc số 232/19(1) là 276°52'32,997", khoảng cách là 286,34m.</td><td colspan="3"> 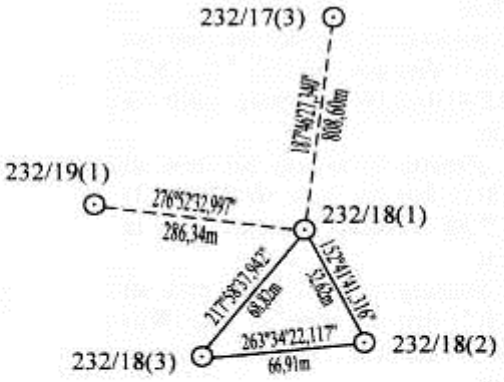
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/18(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 21 tháng 11 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 232/18(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/18(2) đến giao điểm của trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy kênh không tên chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 31,39m.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/18(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/18(1) là 27,64m.</td><td rowspan="3">1202685,57
539184,92</td><td rowspan="3">10 52 46,418
105 21 30,763</td><td>5,16
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,96</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/17(3) đến cột mốc số 232/18(2) là 185°44'25,789", khoảng cách là 852,20m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/18(1) đến cột mốc số 232/18(2) là 152°41'41,316", khoảng cách là 52,62m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/18(1) đến cột mốc số 232/18(3) là 217°58'37,942", khoảng cách là 68,82m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/18(2) đến cột mốc số 232/18(3) là 263°34'22,117", khoảng cách là 66,91m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/18(2) đến cột mốc số 232/19(1) là 284°43'19,788", khoảng cách là 318,89m.</td><td colspan="3"> 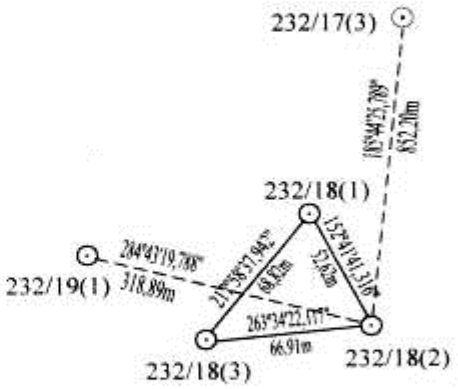
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/18(3)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 12 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 232/18(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/18(3) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy kênh không tên chảy vào lãnh thổ Việt Nam là 49,09m.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/18(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/18(1) là 29,59m.</td><td rowspan="3">1202678,08
539118,43</td><td rowspan="3">10 52 46,176
105 21 28,573</td><td>4,75
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,55</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/17(3) đến cột mốc số 232/18(3) là 190°03'29,585", khoảng cách là 868,77m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/18(1) đến cột mốc số 232/18(2) là 152°41'41,316", khoảng cách là 52,62m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/18(1) đến cột mốc số 232/18(3) là 217°58'37,942", khoảng cách là 68,82m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/18(2) đến cột mốc số 232/18(3) là 263°34'22,117", khoảng cách là 66,91m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/18(3) đến cột mốc số 232/19(1) là 290°05'57,137", khoảng cách là 257,62m.</td><td colspan="3"> 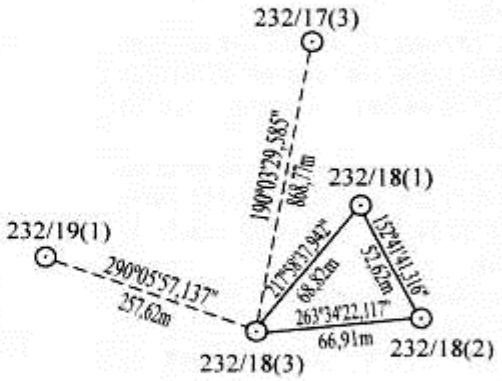
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/19(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 12 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 232/19(1) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/19(1) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Ós Túk chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 34,12m.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/19(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/19(2) là 37,32m.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/19(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/19(3) là 28,67m.</td><td rowspan="3">1202766,61
538876,50</td><td rowspan="3">10 52 49,068
105 21 20,607</td><td>4,61
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,41</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/18(3) đến cột mốc số 232/19(1) là 290°05'57,137", khoảng cách là 257,62m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/19(1) đến cột mốc số 232/19(2) là 330°12'18,744", khoảng cách là 68,34m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/19(1) đến cột mốc số 232/19(3) là 03°28'24,581", khoảng cách là 55,95m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/19(2) đến cột mốc số 232/19(3) là 95°17'33,418", khoảng cách là 37,51m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/19(1) đến cột mốc số 233(1) là 244°12'44,581", khoảng cách là 241,27m.</td><td colspan="3"> 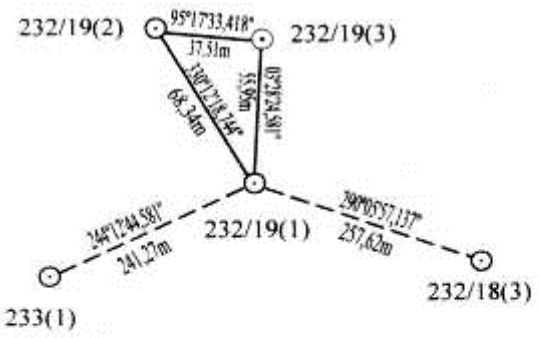
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/19(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 7 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 232/19(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/19(2) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Ôs Túk chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 36,07m.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/19(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/19(1) là 31,02m.</td><td rowspan="3">1202825,92
538842,54</td><td rowspan="3">10 52 51,000
105 21 19,491</td><td>4,16
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,96</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/18(3) đến cột mốc số 232/19(2) là 298°11'07,197", khoảng cách là 313,01m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/19(1) đến cột mốc số 232/19(2) là 330°12'18,744", khoảng cách là 68,34m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/19(1) đến cột mốc số 232/19(3) là 03°28'24,581", khoảng cách là 55,95m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/19(2) đến cột mốc số 232/19(3) là 95°17'33,418", khoảng cách là 37,51m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/19(2) đến cột mốc số 233(1) là 228°07'50,869", khoảng cách là 246,12m.</td><td colspan="3"> 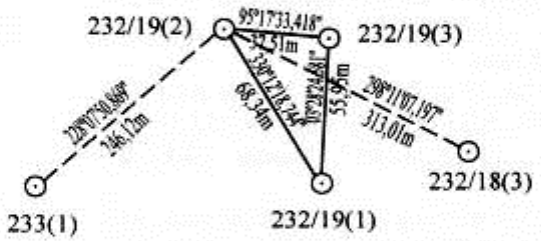
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 232/19(3)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 7 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 232/19(3) cắm trên bờ sông Sở Hạ (prêch Krom) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/19(3) đến giao điểm của trung tuyến luồng sông Sở Hạ (prêch Krom) với trung tuyến dòng chảy rạch Ôs Túk chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 26,46m.
Khoảng cách từ cột mốc số 232/19(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 232/19(1) là 27,28m.</td><td rowspan="3">1202822,46
538879,89</td><td rowspan="3">10 52 50,886
105 21 20,721</td><td>4,16
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,96</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td colspan="4">Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/18(3) đến cột mốc số 232/19(3) là 301°11'06,242", khoảng cách là 278,83m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/19(1) đến cột mốc số 232/19(2) là 330°12'18,744", khoảng cách là 68,34m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/19(1) đến cột mốc số 232/19(3) là 03°28'24,581", khoảng cách là 55,95m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/19(2) đến cột mốc số 232/19(3) là 95°17'33,418", khoảng cách là 37,51m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/19(3) đến cột mốc số 233(1) là 233°54'46,493", khoảng cách là 273,02m.</td></tr>
</table>

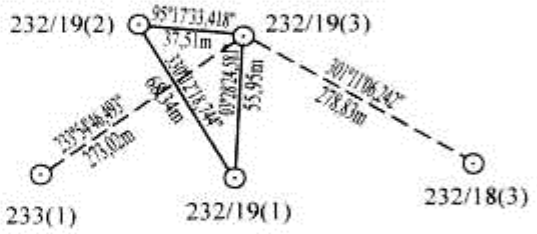

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 233(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 9 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 233(1) cắm trên đường biên giới.
Khoảng cách từ cột mốc số 233(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 233(1) và cột mốc số 233(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (Prêk Krom) là 28,60m.</td><td rowspan="3">1202661,65
538659,26</td><td rowspan="3">10 52 45,659
105 21 13,447</td><td>8,15
(5,03)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,12</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/19(3) đến cột mốc số 233(1) là 233°54'46,493", khoảng cách là 273,02m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 233(1) đến cột mốc số 233(2) là 124°03'01,121", khoảng cách là 58,67m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 233(1) đến mốc số số 233/1 là 216°28'36,966", khoảng cách là 790,85m.</td><td colspan="3"> 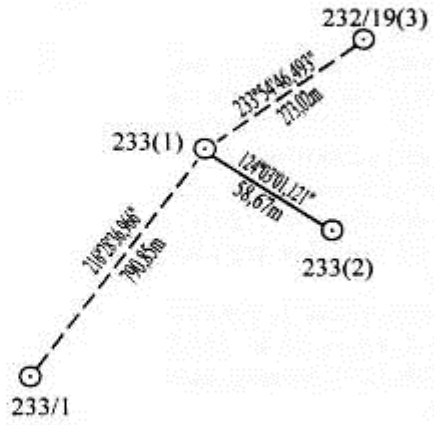
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 233(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 9 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 233(2) cắm trên bờ sông Sở Hạ (Prêk Krom) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 233(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 233(2) và cột mốc số 233(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Hạ (Prêk Krom) là 30,07 m.</td><td rowspan="3">1202628,80
538707,87</td><td rowspan="3">10 52 44,588
105 21 15,047</td><td>8,05
(5,37)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,68</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 232/19(3) đến cột mốc số 233(2) là 221°36'47,999", khoảng cách là 259,03m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 233(1) đến cột mốc số 233(2) là 124°03 01,121", khoảng cách là 58,67m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 233(2) đến mốc số số 233/1 là 220°42'09,429", khoảng cách là 795,50m.</td><td colspan="3"> 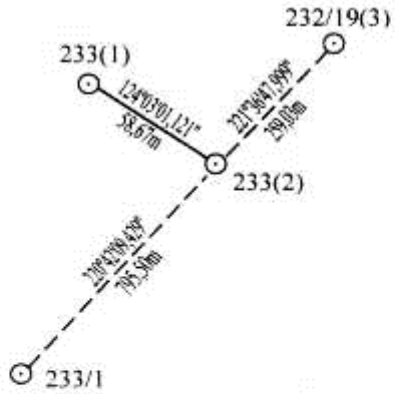
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 233/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 12 tháng 3 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 233/1 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1202025,73
538189,10</td><td rowspan="3">10 52 24,973
105 20 57,936</td><td>3,92
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,72</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 233(1) đến mốc số số 233/1 là 216°28'36,966", khoảng cách là 790,85m.
Góc phương vị toạ độ từ mốc số 233/1 đến cột mốc số 234 là 188°22'46,327", khoảng cách là 361,56m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 234

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 9 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 234 cắm giữa rạch không tên.</td><td rowspan="3">1201668,03
538136,41</td><td rowspan="3">10 52 13,329
105 20 56,187</td><td>8,14
(5,04)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,10</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ từ mốc số 233/1 đến cột mốc số 234 là 188°22'46,327", khoảng cách là 361,56m.
Góc phương vị toạ độ từ cột mốc số 234 đến mốc số 234/1 là 251°05'42,838", khoảng cách là 736,98m.</td><td colspan="3"> 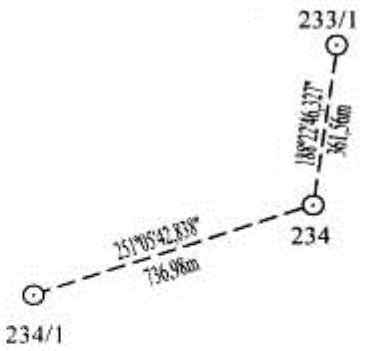
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 234/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 05 tháng 8 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 234/1 cắm trong ruộng.</td><td rowspan="3">1201429,25
537439,18</td><td rowspan="3">10 52 05,580
105 20 33,212</td><td>3,97
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,77</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ từ cột mốc số 234 đến mốc số 234/1 là 251°05'42,838", khoảng cách là 736,98m.
Góc phương vị toạ độ từ mốc số 234/1 đến mốc số 234/2 là 210°58'24,527", khoảng cách là 363,81m.</td><td colspan="3"> 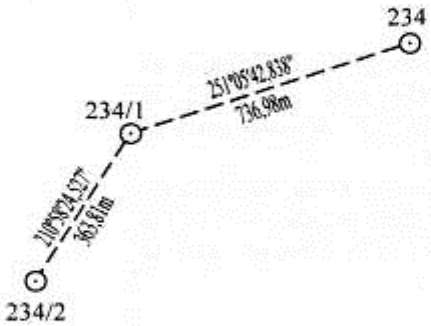
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 234/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 9 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 234/2 cắm trong ruộng.</td><td rowspan="3">1201117,32
537251,95</td><td rowspan="3">10 51 55,431
105 20 27,034</td><td>4,40
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,20</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ từ mốc số 234/1 đến mốc số 234/2 là 210°58'24,527", khoảng cách là 363,81m.
Góc phương vị toạ độ từ mốc số 234/2 đến cột mốc số 235(1) là 204°36'04,557", khoảng cách là 595,63 m.</td><td colspan="3"> 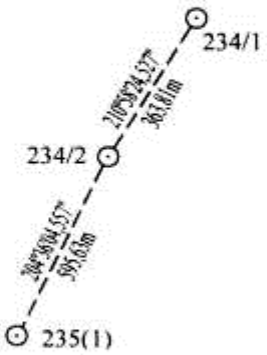
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 9 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 235(1) cắm trên đường biên giới.
Khoảng cách từ cột mốc số 235(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235(1) và cột mốc số 235(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 93,41m.</td><td rowspan="3">1200575,76
537003,99</td><td rowspan="3">10 51 37,807
105 20 18,846</td><td>8,54
(3,42)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,12</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 234/2 đến cột mốc số 235(1) là 204°36'04,557", khoảng cách là 595,63m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235(1) đến cột mốc số 235(2) là 198°15'41,606", khoảng cách là 175,55m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235(1) đến cột mốc số 235/1(1) là 296°45'53,083", khoảng cách là 876,38m.</td><td colspan="3"> 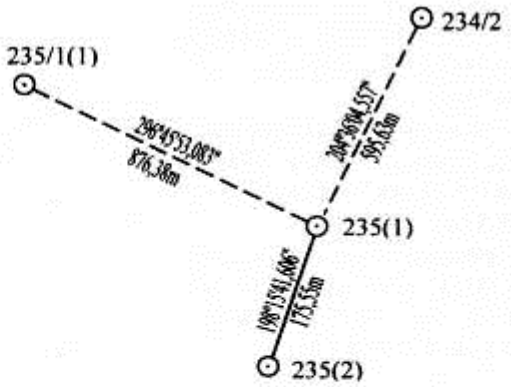
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 06 tháng 9 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="4">Cột mốc số 235(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 235(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235(2) và cột mốc số 235(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 82,14m.</td><td rowspan="4">1200409,05
536948,98</td><td rowspan="4">10 51 32,382
105 20 17,028</td><td>8,57
(3,28)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,29</td></tr>
<tr><td></td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 234/2 đến cột mốc số 235(2) là 203°09'33,591", khoảng cách là 770,35m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235(1) đến cột mốc số 235(2) là 198°15'41,606", khoảng cách là 175,55m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235(2) đến cột mốc số 235/1(1) là 307°39'21,852", khoảng cách là 918,89m.</td><td colspan="3"> 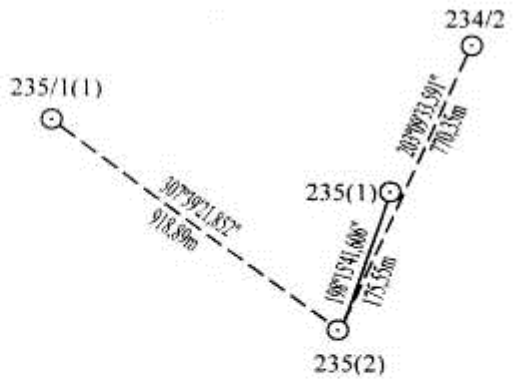
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235/1(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 02 tháng 12 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td>Cột mốc số 235/1(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 235/1(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/1(1) và cột mốc số 235/1(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 72,18m.</td><td>1200970,42
536221,50</td><td>10 51 50,685
105 19 53,087</td><td>5,75
(1,20)
Độ cao mặt đất
(m)
4,55</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235(2) đến cột mốc số 235/1(1) là 307°39'21,852", khoảng cách là 918,89m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/1(1) đến cột mốc số 235/1(2) là 215°48'42,886", khoảng cách là 141,35m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/1(1) đến cột mốc số 235/2(1) là 299°00'20,052", khoảng cách là 1014,63m.</td><td colspan="3"> 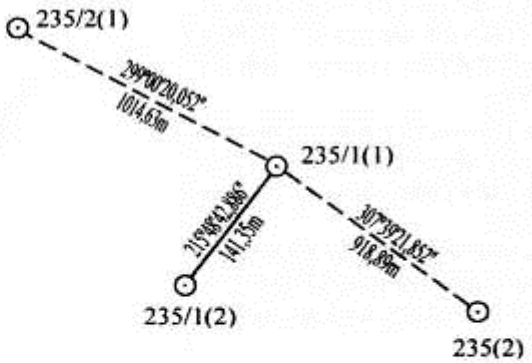
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235/1(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 11 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="4">Cột mốc số 235/1(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 235/1(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/1(2) và cột mốc số 235/1(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 69,17m.</td><td rowspan="4">1200855,79
536138,79</td><td rowspan="4">10 51 46,956
105 19 50,358</td><td>8,30
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>7,10</td></tr>
<tr><td></td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235(2) đến cột mốc số 235/1(2) là 298°52'20,672", khoảng cách là 925,19m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/1(1) đến cột mốc số 235/1(2) là 215°48'42,886", khoảng cách là 141,35m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/1(2) đến cột mốc số 235/2(1) là 307°00'43,352", khoảng cách là 1007,70m.</td><td colspan="3"> 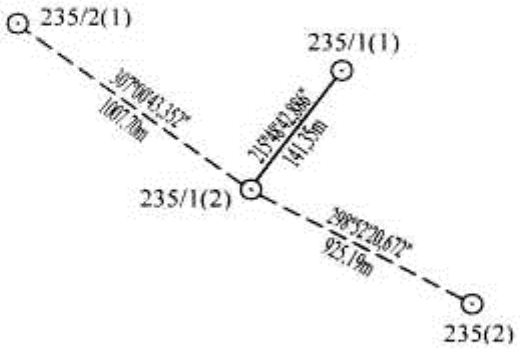
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235/2(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 02 tháng 12 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 235/2(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 235/2(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/2(1) và cột mốc số 235/2(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 94,77m.</td><td rowspan="3">1201462,41
535334,13</td><td rowspan="3">10 52 06,735
105 19 23,876</td><td>6,18
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>4,98</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/1(2) đến cột mốc số 235/2(1) là 307°00'43,352", khoảng cách là 1007,70m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/2(1) đến cột mốc số 235/2(2) là 222°13'35,422", khoảng cách là 191,14m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/2(1) đến cột mốc số 235/3(1) là 296°04'21,106", khoảng cách là 1933,27m.</td><td colspan="3"> 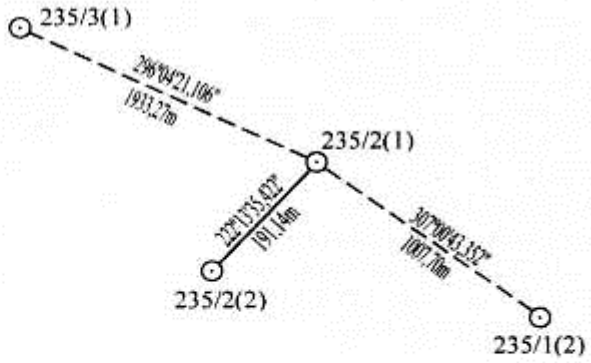
</td></tr>
</table>

1569

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235/2(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 11 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td>Cột mốc số 235/2(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 235/2(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/2(2) và cột mốc số 235/2(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 96,37m.</td><td>1201320,87
535205,67</td><td>10 52 02,131
105 19 19,639</td><td>5,22
(1,20)
Độ cao mặt đất
(m)
4,02</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/1(2) đến cột mốc số 235/2(2) là 296°29'32,297", khoảng cách là 1042,60m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/2(1) đến cột mốc số 235/2(2) là 222°13'35,422", khoảng cách là 191,14m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/2(2) đến cột mốc số 235/3(1) là 301°38'59,731", khoảng cách là 1889,04m.</td><td colspan="3"> 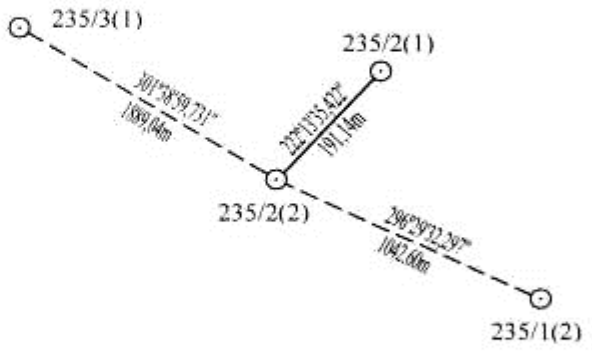
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235/3(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 02 tháng 12 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 235/3(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 235/3(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/3(1) và cột mốc số 235/3(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 82,59m.</td><td rowspan="3">1202312,10
533597,59</td><td rowspan="3">10 52 34,458
105 18 26,704</td><td>5,84
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>4,64</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/2(2) đến cột mốc số 235/3(1) là 301°38'59,731", khoảng cách là 1889,04m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/3(1) đến cột mốc số 235/3(2) là 205°56'41,573", khoảng cách là 161,55m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/3(1) đến cột mốc số 235/4(1) là 296°02'07,468", khoảng cách là 1047,90m.</td><td colspan="3"> 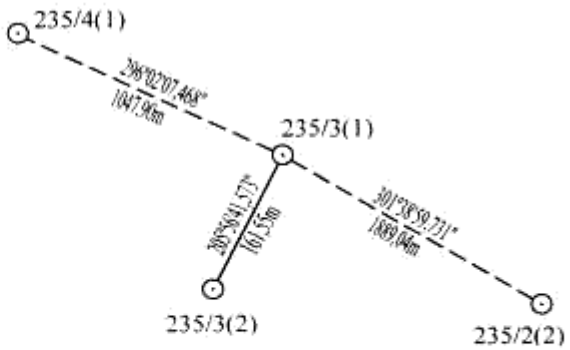
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235/3(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 11 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 235/3(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 235/3(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/3(2) và cột mốc số 235/3(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 78,96m.</td><td rowspan="3">1202166,83
533526,91</td><td rowspan="3">10 52 29,730
105 18 24,371</td><td>8,59
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>7,39</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/2(2) đến cột mốc số 235/3(2) là 296°44'39,943", khoảng cách là 1879,86m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/3(1) đến cột mốc số 235/3(2) là 205°56'41,573", khoảng cách là 161,55m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/3(2) đến cột mốc số 235/4(1) là 304°47'50,838", khoảng cách là 1060,53m.</td><td colspan="3"> 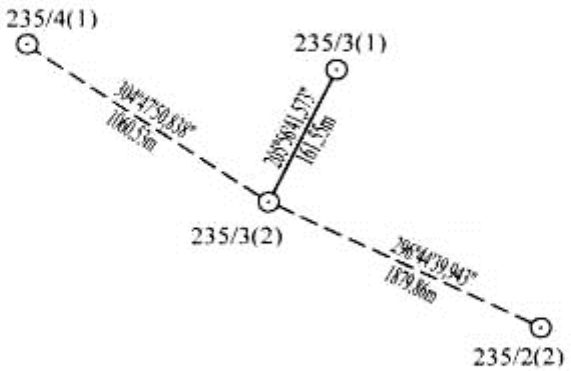
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235/4(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 02 tháng 12 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="4">Cột mốc số 235/4(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 235/4(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/4(1) và cột mốc số 235/4(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 76,52m.</td><td rowspan="4">1202772,05
532656,03</td><td rowspan="4">10 52 49,463
105 17 55,704</td><td>5,38
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>4,18</td></tr>
<tr><td></td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/3(2) đến cột mốc số 235/4(1) là 304°47'50,838", khoảng cách là 1060,53m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/4(1) đến cột mốc số 235/4(2) là 209°40'36,451", khoảng cách là 154,47m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/4(1) đến cột mốc số 235/5(1) là 296°39'49,106", khoảng cách là 753,71m.</td><td colspan="3"> 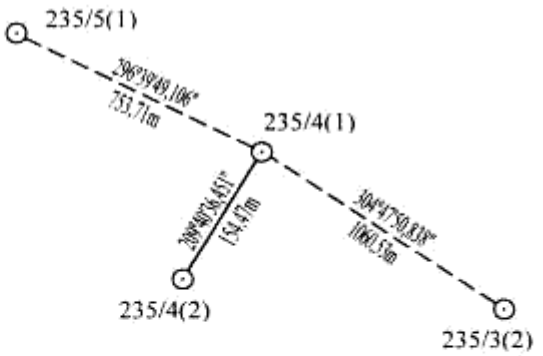
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235/4(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 11 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td>Cột mốc số 235/4(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 235/4(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/4(2) và cột mốc số 235/4(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 77,95m.</td><td>1202637,84
532579,55</td><td>10 52 45,096
105 17 53,181</td><td>8,03
(1,20)
Độ cao mặt đất
(m)
6,83</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/3(2) đến cột mốc số 235/4(2) là 296°26'08,598", khoảng cách là 1057,99m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/4(1) đến cột mốc số 235/4(2) là 209°40'36,451", khoảng cách là 154,47m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/4(2) đến cột mốc số 235/5(1) là 308°21'10,200", khoảng cách là 761,38m.</td><td colspan="3"> 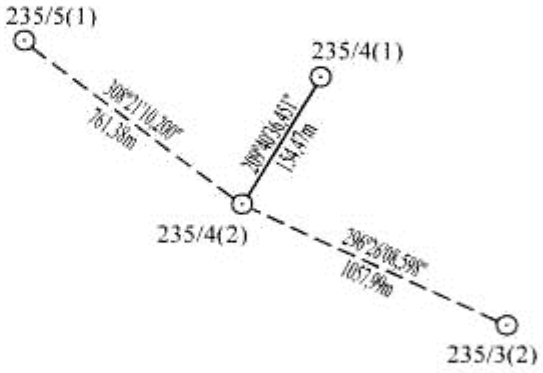
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235/5(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 02 tháng 12 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 235/5(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 235/5(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/5(1) và cột mốc số 235/5(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 92,22m.</td><td rowspan="3">1203110,28
531982,47</td><td rowspan="3">10 53 00,497
105 17 33,528</td><td>6,42
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,22</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/4(2) đến cột mốc số 235/5(1) là 308°21'10,200", khoảng cách là 761,38m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/5(1) đến cột mốc số 235/5(2) là 214°11'57,841", khoảng cách là 182,52m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/5(1) đến cột mốc số 235/6(1) là 303°00'53,284", khoảng cách là 710,00m.</td><td colspan="3"> 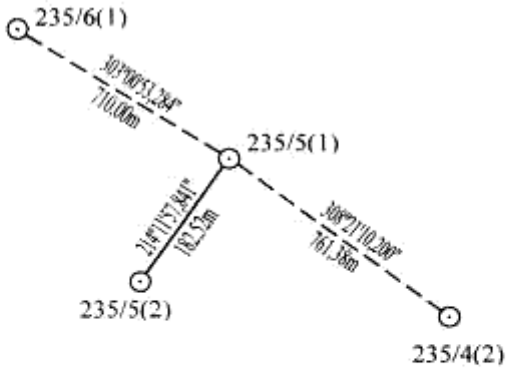
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235/5(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 11 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 235/5(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 235/5(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/5(2) và cột mốc số 235/5(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 90,30m.</td><td rowspan="3">1202959,32
531879,88</td><td rowspan="3">10 52 55,586
105 17 30,144</td><td>8,77
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>7,57</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/4(2) đến cột mốc số 235/5(2) là 294°40'39,142", khoảng cách là 769,99m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/5(1) đến cột mốc số 235/5(2) là 214°11'57,841", khoảng cách là 182,52m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/5(2) đến cột mốc số 235/6(1) là 317°30'08,771", khoảng cách là 729,43m.</td><td colspan="3"> 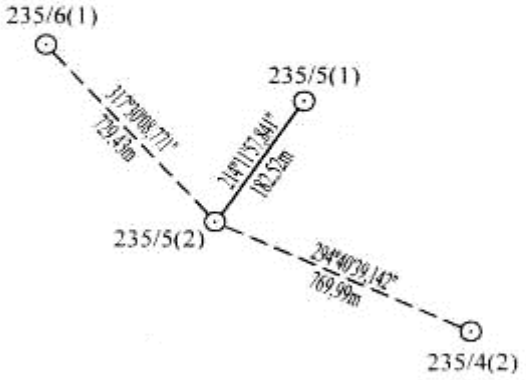
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235/6(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 12 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 235/6(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 235/6(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/6(1) và cột mốc số 235/6(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 77,17m.</td><td rowspan="3">1203497,13
531387,11</td><td rowspan="3">10 53 13,111
105 17 13,929</td><td>6,04
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>4,84</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/5(2) đến cột mốc số 235/6(1) là 317°30'08,771", khoảng cách là 729,43m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/6(1) đến cột mốc số 235/6(2) là 221°53'04,210", khoảng cách là 146,37m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/6(1) đến cột mốc số 235/7(1) là 289°06'07,014", khoảng cách là 1809,99m.</td><td colspan="3"> 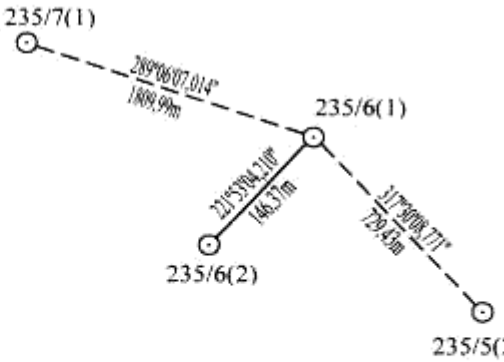
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235/6(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 11 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 235/6(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 235/6(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/6(2) và cột mốc số 235/6(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 69,20m.</td><td rowspan="3">1203388,16
531289,39</td><td rowspan="3">10 53 09,566
105 17 10,707</td><td>8,25
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>7,05</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/5(2) đến cột mốc số 235/6(2) là 305°59'19,734", khoảng cách là 729,78m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/6(1) đến cột mốc số 235/6(2) là 221°53'04,210", khoảng cách là 146,37m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/6(2) đến cột mốc số 235/7(1) là 293°30'11,533", khoảng cách là 1758,50m.</td><td colspan="3"> 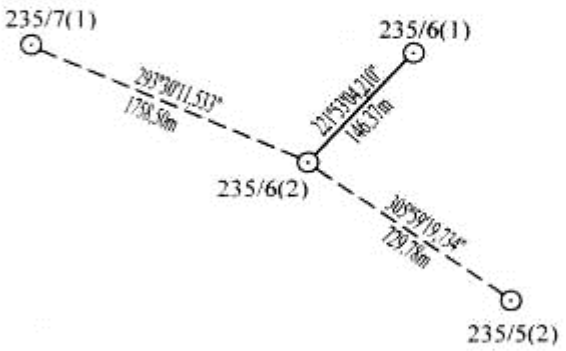
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235/7(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 10 tháng 12 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 235/7(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 235/7(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/7(1) và cột mốc số 235/7(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 75,92m.</td><td rowspan="3">1204089,45
529676,78</td><td rowspan="3">10 53 32,447
105 16 17,606</td><td>5,72
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>4,52</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/6(2) đến cột mốc số 235/7(1) là 293°30'11,533", khoảng cách là 1758,50m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/7(1) đến cột mốc số 235/7(2) là 225°48'07,052", khoảng cách là 156,11m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/7(1) đến cột mốc số 236(1) là 304°52'48,129", khoảng cách là 801,84m.</td><td colspan="3"> 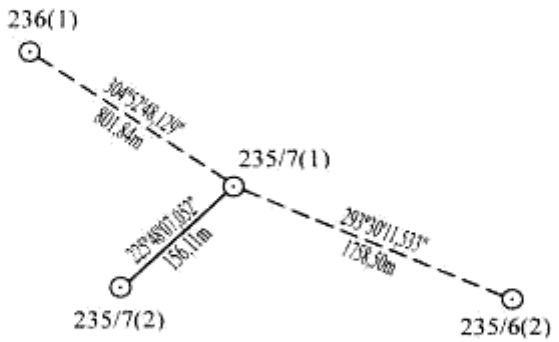
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 235/7(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 11 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 235/7(2) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 235/7(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 235/7(2) và cột mốc số 235/7(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 80,19m.</td><td rowspan="3">1203980,62
529564,86</td><td rowspan="3">10 53 28,907
105 16 13,916</td><td>7,94
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>6,74</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/6(2) đến cột mốc số 235/7(2) là 288°57'36,328", khoảng cách là 1823,46m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/7(1) đến cột mốc số 235/7(2) là 225°48'07,052", khoảng cách là 156,11m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 235/7(2) đến cột mốc số 236(1) là 316°06'23,096", khoảng cách là 787,33m.</td><td colspan="3"> 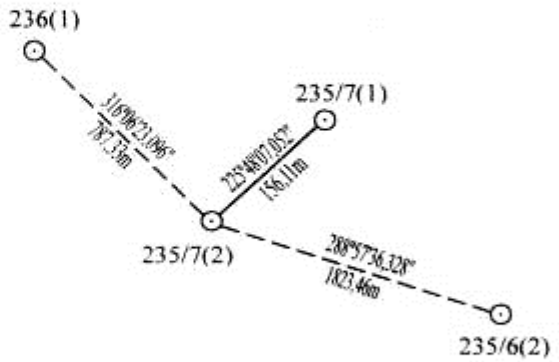
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 236(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 21 tháng 10 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 236(1) cắm trên bờ sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 236(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 236(1) và cột mốc số 236(2) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 62,39 m.</td><td rowspan="3">1204547,99
529018,99</td><td rowspan="3">10 53 47,395
105 15 55,951</td><td>8,65
(3,48)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,17</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc 235/7(2) đến cột mốc số 236(1) là 316°06'23,096", khoảng cách là 787,33m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 236(1) đến cột mốc số 236(2) là 263°00'32,539", khoảng cách là 133,59 m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 236(1) đến mốc số 236/1 là 259°57'04,827", khoảng cách là 714,73m.</td><td colspan="3"> 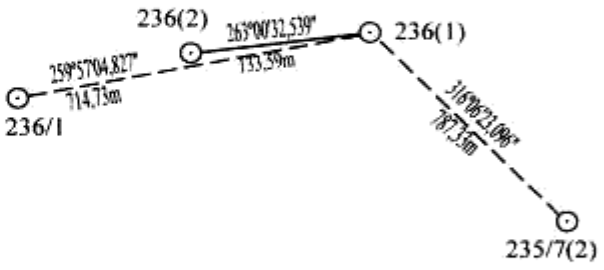
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 236(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 21 tháng 10 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 236(2) cắm trên đường biên giới.
Khoảng cách từ cột mốc số 236(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 236(2) và cột mốc số 236(1) với trung tuyến luồng của sông Sở Thượng (prêch Cọ Xom Pâu) là 71,20 m.</td><td rowspan="3">1204531,73
528886,39</td><td rowspan="3">10 53 46,869
105 15 51,582</td><td>8,66
(3,48)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,18</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc 235/7(2) đến cột mốc số 236(2) là 309°05'10,993", khoảng cách là 874,10m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 236(1) đến cột mốc số 236(2) là 263°00'32.539", khoảng cách là 133,59 m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 236(2) đến mốc số 236/1 là 259°14'56,519", khoảng cách là 581,37m.</td><td colspan="3"> 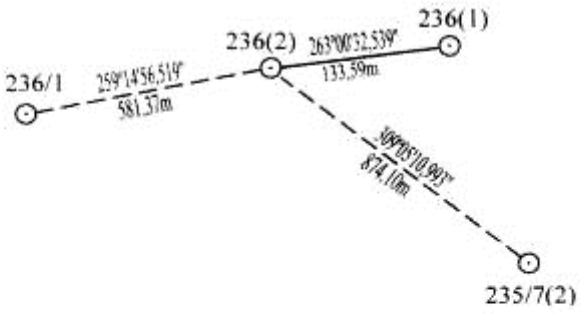
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 236/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 12 tháng 3 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 236/1 cắm trong ruộng.</td><td rowspan="3">1204423,28
528315,22</td><td rowspan="3">10 53 43,355
105 15 32,764</td><td>4,75
(2,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,55</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 236(2) đến cột mốc số 236/1 là 259°14'56,519", khoảng cách là 581,37m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 236/1 đến cột mốc số 236/2 là 261°36'39,946", khoảng cách là 522,24m.</td><td colspan="3"> 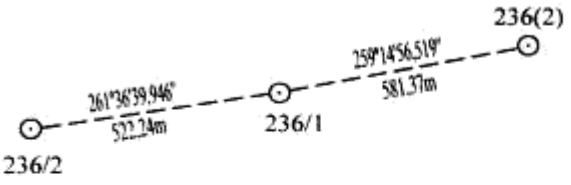
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 236/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 3 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 236/2 cắm trong ruộng.</td><td rowspan="3">1204347,09
527798,57</td><td rowspan="3">10 53 40,888
105 15 15,742</td><td>4,75
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,55</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 236/1 đến cột mốc số 236/2 là 261°36'39,946", khoảng cách là 522,24m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 236/2 đến cột mốc số 236/3 là 257°45'07,345", khoảng cách là 645,70m.</td><td colspan="3"> 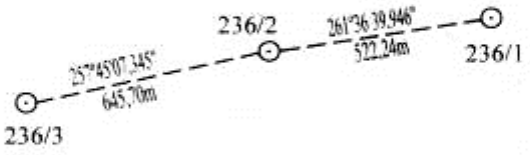
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 236/3

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 12 tháng 3 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 236/3 cắm trong ruộng.</td><td rowspan="3">1204210,11
527167,57</td><td rowspan="3">10 53 36,446
105 14 54,952</td><td>6,37
(2,50)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,87</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 236/2 đến cột mốc số 236/3 là 257°45'07,345", khoảng cách là 645,70m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 236/3 đến cột mốc số 237 là 259°33'11,944", khoảng cách là 985,66m.</td><td colspan="3"> 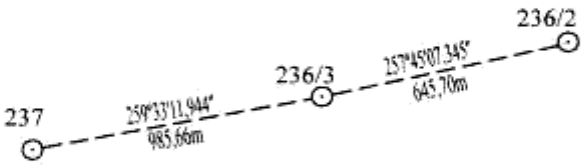
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 237

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 8 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 237 cắm trong ruộng.</td><td rowspan="3">1204031,39
526198,25</td><td rowspan="3">10 53 30,652
105 14 23,017</td><td>8,82
(5,34)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,48</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 236/3 đến cột mốc số 237 là 259°33'11,944", khoảng cách là 985,66m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 237 đến cột mốc số 237/1 là 287°52'12,959", khoảng cách là 763,66m.</td><td colspan="3"> 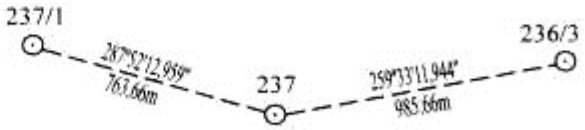
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 237/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 12 tháng 01 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 237/1 cắm trong ruộng.</td><td rowspan="3">1204265,73
525471,43</td><td rowspan="3">10 53 38,300
105 13 59,080</td><td>5,21
(2,14)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,07</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 237 đến cột mốc số 237/1 là 287°52'12,959", khoảng cách là 763,66m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 237/1 đến cột mốc số 237/2 là 287°50'15,804", khoảng cách là 1043,64m.</td><td colspan="3"> 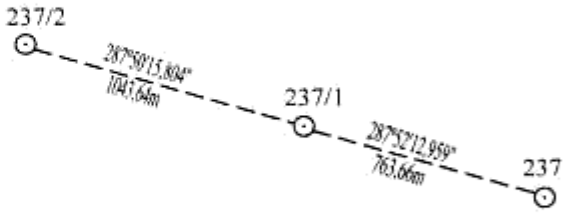
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 237/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 28 tháng 01 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 237/2 cắm trong ruộng.</td><td rowspan="3">1204585,42
524477,96</td><td rowspan="3">10 53 48,733
105 13 26,361</td><td>4,80
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,60</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 237/1 đến cột mốc số 237/2 là 287°50'15,804", khoảng cách là 1043,64m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 237/2 đến cột mốc số 238 là 287°40'03,293", khoảng cách là 958,17m.</td><td colspan="3"> 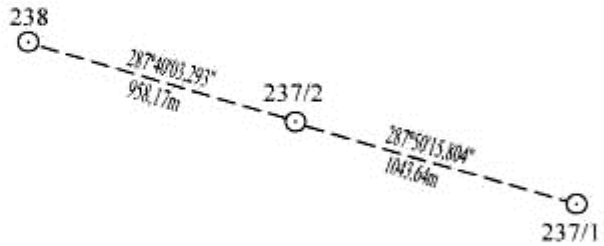
</td></tr>
</table>

1588

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 238

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 07 tháng 8 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 238 cắm trong ruộng.</td><td rowspan="3">1204876,22
523564,98</td><td rowspan="3">10 53 58,223
105 12 56,292</td><td>9,02
(5,02)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>4,00</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 237/2 đến cột mốc số 238 là 287°40'03,293", khoảng cách là 958,17m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 238 đến cột mốc số 238/1 là 305°19'19,887", khoảng cách là 260,87m.</td><td colspan="3"> 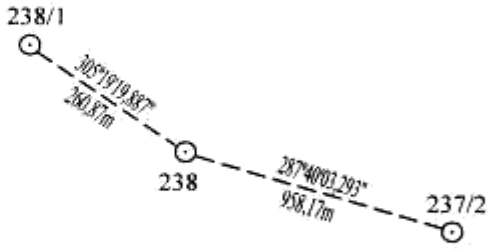
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 238/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 19 tháng 02 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 238/1 cắm trong ruộng.</td><td rowspan="3">1205027,05
523352,13</td><td rowspan="3">10 54 03,138
105 12 49,284</td><td>6,22
(2,70)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,52</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 238 đến cột mốc số 238/1 là 305°19'19,887", khoảng cách là 260,87m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 238/1 đến cột mốc số 238/2 là 305°28'51,884", khoảng cách là 671,95m.</td><td colspan="3"> 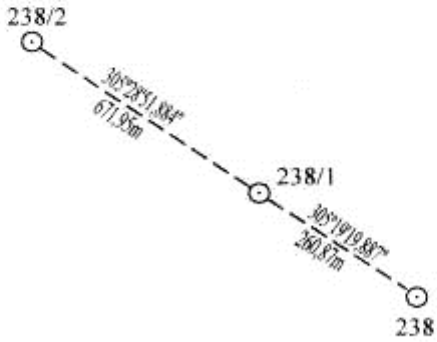
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 238/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 28 tháng 3 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 238/2 cắm trong ruộng.</td><td rowspan="3">1205417,07
522804,96</td><td rowspan="3">10 54 15,849
105 12 31,268</td><td>6,09
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>4,89</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 238/1 đến cột mốc số 238/2 là 305°28'51,884", khoảng cách là 671,95m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 238/2 đến cột mốc số 238/3 là 305°27'48,902", khoảng cách là 989,72m.</td><td colspan="3"> 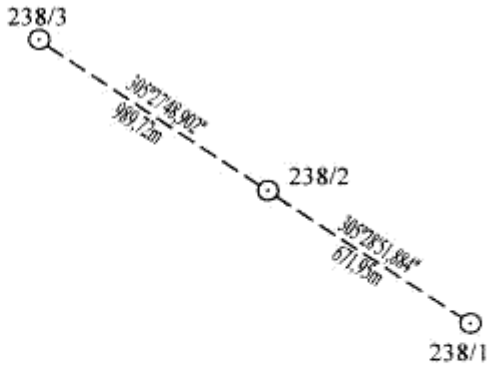
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 238/3

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 19 tháng 02 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 238/3 cắm trong ruộng.</td><td rowspan="3">1205991,29
521998,85</td><td rowspan="3">10 54 34,563
105 12 04,724</td><td>6,95
(1,80)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,15</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 238/2 đến cột mốc số 238/3 là 305°27'48,902", khoảng cách là 989,72m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 238/3 đến cột mốc số 239 là 305°26'34,867", khoảng cách là 282,16m.</td><td colspan="3"> 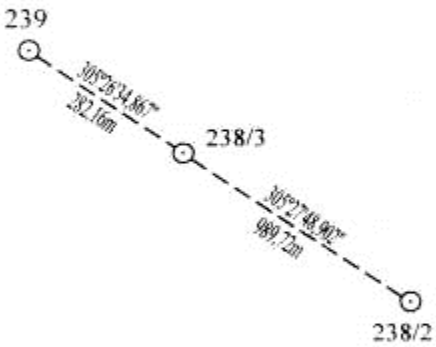
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 239

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 15 tháng 10 năm 2014</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 239 cắm trong ruộng.</td><td rowspan="3">1206154,91
521768,98</td><td rowspan="3">10 54 39,895
105 11 57,155</td><td>9,33
(3,40)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,93</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 238/3 đến cột mốc số 239 là 305°26'34,867", khoảng cách là 282,16m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 239 đến cột mốc số 240 là 272°14'04,084", khoảng cách là 160,30 m.</td><td colspan="3"> 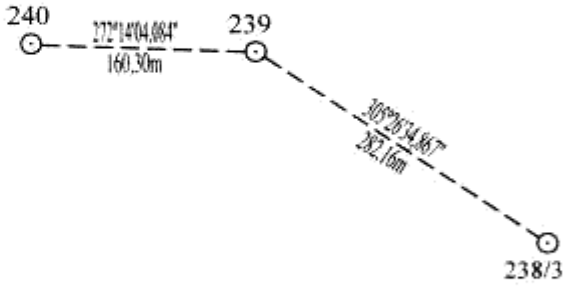
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 240

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại A</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 30 tháng 11 năm 2009</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 240 cắm tại cặp cửa khẩu quốc tế Thường Phước (Việt Nam) - Cọ Rô Ca (Campuchia), trên bờ phía Đông sông Tiền (tôn lê Mê Kông Hạ).</td><td rowspan="3">1206161,16
521608,80</td><td rowspan="3">10 54 40,102
105 11 51,878</td><td>10,01
(3,05)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>6,96</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 239 đến cột mốc số 240 là 272°14'04,084", khoảng cách là 160,30m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 240 đến cột mốc số 241 là 272°15'04,011", khoảng cách là 1912,21m.</td><td colspan="3"> 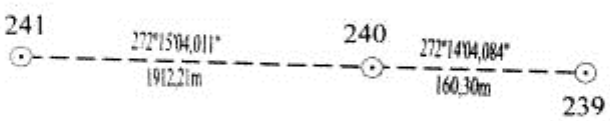
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 241

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại A</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 01 tháng 01 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 241 cắm tại cặp cửa khẩu quốc tế Vĩnh Xương (Việt Nam) - Cờ Om Sòm No (Campuchia), trên bờ phía Tây sông Tiền (sông Mê Kông).</td><td rowspan="3">1206236,27
519698,07</td><td rowspan="3">10 54 42,586
105 10 48,933</td><td>11,24
(3,53)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>7,71</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 240 đến cột mốc số 241 là 272°15'04,011", khoảng cách là 1921,21m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 241 đến cột mốc số … là ..., khoảng cách là ... m.</td><td colspan="3"> 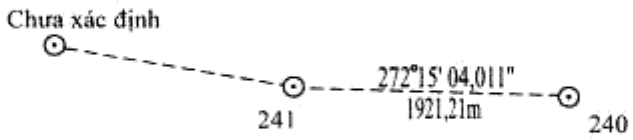
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 245/1(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc phụ đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 29 tháng 01 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 245/1(1) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 245/1(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 245/1(1) và cột mốc số 245/1(2) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac) là 126,37m.</td><td rowspan="3">1208579,13
512055,44</td><td rowspan="3">10 55 58,986
105 06 37,183</td><td>7,19
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,99</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số ... đến cột mốc số 245/1(1) là .... khoảng cách là ... m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 245/1(1) đến cột mốc số 245/1(2) là 317°05'08,891", khoảng cách là 252,37m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 245/1(1) đến cột mốc số 245/2(1) là 40°04'09,521", khoảng cách là 1116,23m.</td><td colspan="3"> 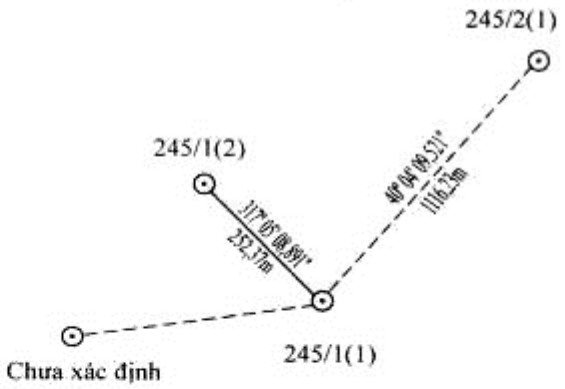
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 245/1(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc phụ đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 29 tháng 01 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 245/1(2) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 245/1(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 245/1(2) và cột mốc số 245/1(1) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac) là 126,00m.</td><td rowspan="3">1208763,96
511883,60</td><td rowspan="3">10 56 05,006
105 06 31,524</td><td>7,74
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>6,54</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số ... đến cột mốc số 245/1(2) là ..., khoảng cách là ... m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 245/1(1) đến cột mốc số 245/1(2) là 317°05'08,891", khoảng cách là 252,37m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 245/1(2) đến cột mốc số 245/2(1) là 53°03'50,981", khoảng cách là 1113,92m.</td><td colspan="3"> 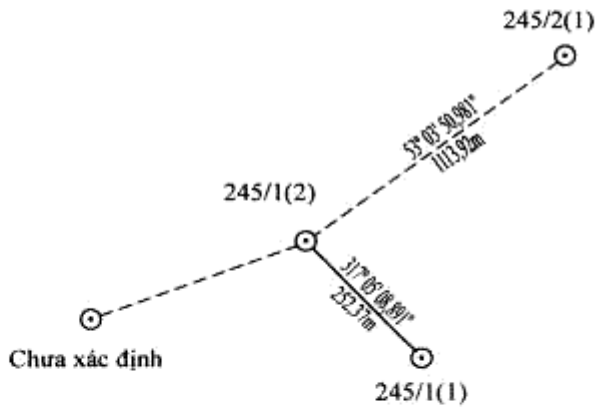
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 245/2(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 16 tháng 8 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 245/2(1) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lề Bassac) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 245/2(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 245/2(1) và cột mốc số 245/2(2) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lề Bassac) là 131,48m.</td><td rowspan="3">1209433,34
512773,97</td><td rowspan="3">10 56 26,789
105 07 00,867</td><td>6,98
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,78</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/1(2) đến cột mốc số 245/2(1) là 53°03'50,981", khoảng cách là 1113,92m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/2(1) đến cột mốc số 245/2(2) là 295°21'02,072", khoảng cách là 260,16m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/2(1) đến cột mốc số 245/3(1) là 08°29'42,136", khoảng cách là 1272,71m.</td><td colspan="3"> 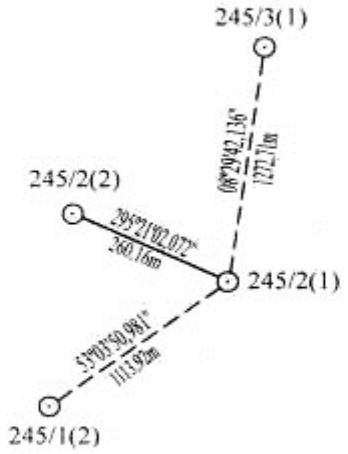
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 245/2(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 11 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 245/2(2) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 245/2(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 245/2(2) và cột mốc số 245/2(1) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac) là 128,68m.</td><td rowspan="3">1209544,73
512538,86</td><td rowspan="3">10 56 30,418
105 06 53,122</td><td>5,05
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,85</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/1(2) đến cột mốc số 245/2(2) là 40°00'18,010", khoảng cách là 1019,30m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/2(1) đến cột mốc số 245/2(2) là 295°21'02,072", khoảng cách là 260,16m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/2(2) đến cột mốc số 245/3(1) là 20°14'34,135", khoảng cách là 1222,89m.</td><td colspan="3"> 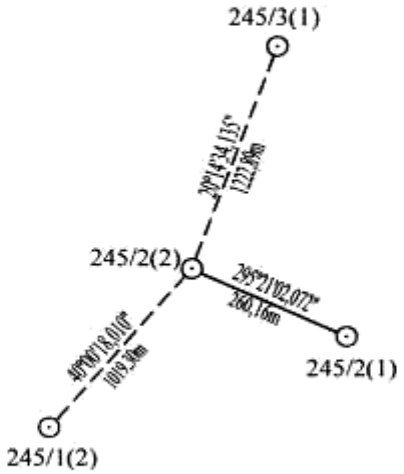
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 245/3(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 16 tháng 8 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 245/3(1) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 245/3(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 245/3(1) và cột mốc số 245/3(2) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac) là 88,39m.</td><td rowspan="3">1210692,09
512961,98</td><td rowspan="3">10 57 07,769
105 07 07,078</td><td>6,05
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>4,85</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/2(2) đến cột mốc số 245/3(1) là 20°14'34,135", khoảng cách là 1222,89m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/3(1) đến cột mốc số 245/3(2) là 267°00'07,041", khoảng cách là 167,49m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/3(1) đến cột mốc số 245/4(1) là 354°10'05,206", khoảng cách là 1050,98m.</td><td colspan="3"> 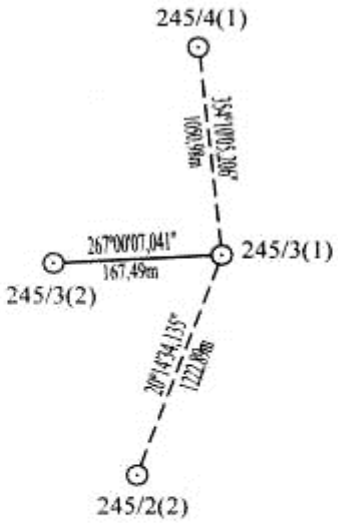
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 245/3(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 8 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 245/3(2) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 245/3(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 245/3(2) và cột mốc số 245/3(1) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac) là 79,10m.</td><td rowspan="3">1210683,33
512794,72</td><td rowspan="3">10 57 07,486
105 07 01,567</td><td>6,34
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,14</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/2(2) đến cột mốc số 245/3(2) là 12°39'53,338", khoảng cách là 1166,99m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/3(1) đến cột mốc số 245/3(2) là 267°00'07,041", khoảng cách là 167,49m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/3(2) đến cột mốc số 245/4(1) là 03°16'57,493", khoảng cách là 1056,03m.</td><td colspan="3"> 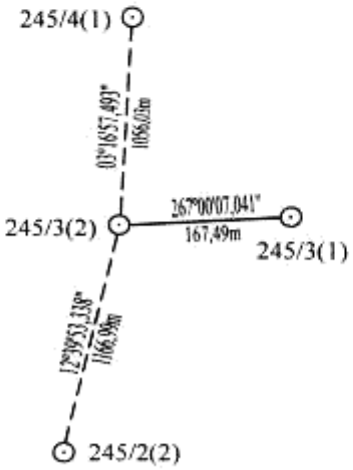
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 245/4(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 11 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td>Cột mốc số 245/4(1) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 245/4(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 245/4(1) và cột mốc số 245/4(2) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac) là 86,47m.</td><td>1211737,63
512855,19</td><td>10 57 41,812
105 07 03,572</td><td>7,42
(1,20)
Độ cao mặt đất
(m)
6,22</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/3(2) đến cột mốc số 245/4(1) là 03°16'57,493", khoảng cách là 1056,03m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/4(1) đến cột mốc số 245/4(2) là 231°22'42,631", khoảng cách là 226,52m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/4(1) đến cột mốc số 245/5(1) là 256°36'53,704", khoảng cách là 1378,00m.</td><td colspan="3"> 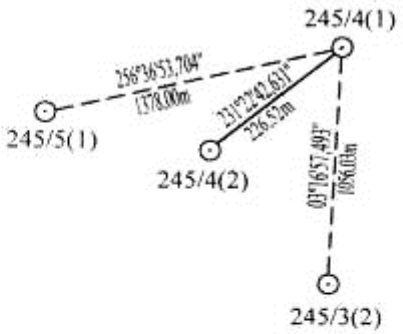
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 245/4(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 20 tháng 11 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 245/4(2) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 245/4(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 245/4(2) và cột mốc số 245/4(1) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac) là 140,05m.</td><td rowspan="3">1211596,24
512678,21</td><td rowspan="3">10 57 37,211
105 06 57,740</td><td>5,27
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>4,07</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/3(2) đến cột mốc số 245/4(2) là 352°43'37,030", khoảng cách là 920,31m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/4(1) đến cột mốc số 245/4(2) là 231°22'42,631", khoảng cách là 226,52m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/4(2) đến cột mốc số 245/5(1) là 261°19'16,960", khoảng cách là 1177,07m.</td><td colspan="3"> 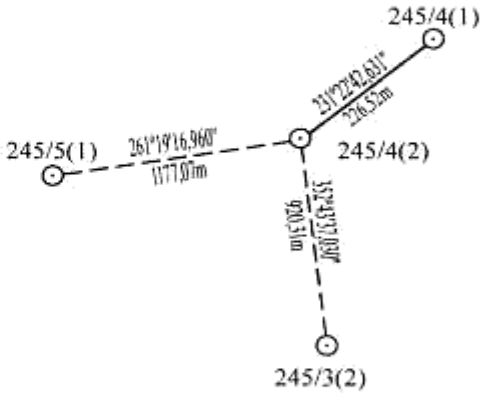
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 245/5(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 13 tháng 12 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 245/5(1) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 245/5(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 245/5(1) và cột mốc số 245/5(2) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac) là 88,90m.</td><td rowspan="3">1211418,63
511514,62</td><td rowspan="3">10 57 31,442
105 06 19,398</td><td>6,05
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>4,85</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/4(2) đến cột mốc số 245/5(1) là 261°19'16,960", khoảng cách là 1177,07m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/5(1) đến cột mốc số 245/5(2) là 157°30'03,433", khoảng cách là 188,96m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/5(1) đến cột mốc số 245/6(1) là 249°33'21,587", khoảng cách là 948,66m.</td><td colspan="3"> 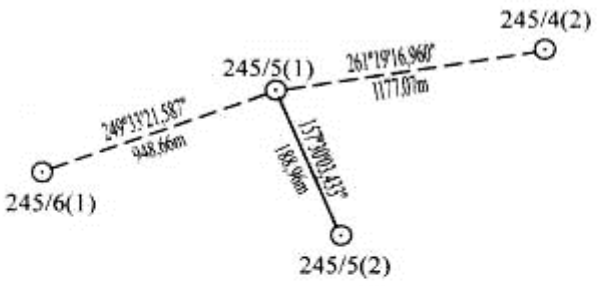
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 245/5(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 9 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 245/5(2) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 245/5(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 245/5(2) và cột mốc số 245/5(1) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac) là 100,06m.</td><td rowspan="3">1211244,05
511586,93</td><td rowspan="3">10 57 25,757
105 06 21,778</td><td>8,44
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>7,24</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/4(2) đến cột mốc số 245/5(2) là 252°06'48,584", khoảng cách là 1146,70m
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/5(1) đến cột mốc số 245/5(2) là 157°30'03,433", khoảng cách là 188,96m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/5(2) đến cột mốc số 245/6(1) là 260°44'10,797", khoảng cách là 973,92m.</td><td colspan="3"> 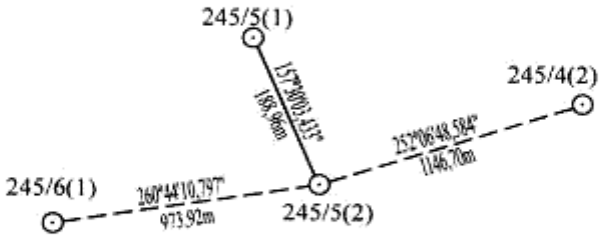
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 245/6(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 12 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 245/6(1) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 245/6(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 245/6(1) và cột mốc số 245/6(2) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac) là 112,03m.</td><td rowspan="3">1211087,27
510625,71</td><td rowspan="3">10 57 20,663
105 05 50,105</td><td>6,32
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,12</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/5(2) đến cột mốc số 245/6(1) là 260°44'10,797", khoảng cách là 973,92m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/6(1) đến cột mốc số 245/6(2) là 175°46'59,506", khoảng cách là 208,48m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/6(1) đến cột mốc số 246(1) là 267°17'40,284", khoảng cách là 1590,61m.</td><td colspan="3"> 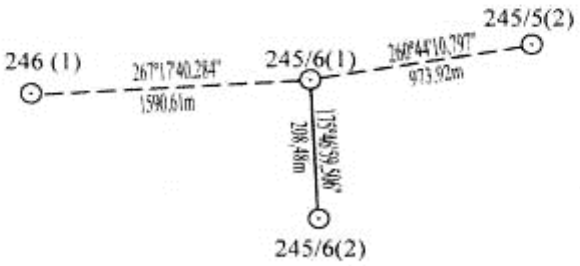
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 245/6(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 9 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 245/6(2) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 245/6(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 245/6(2) và cột mốc số 245/6(1) với trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac) là 96,45m.</td><td rowspan="3">1210879,35
510641,04</td><td rowspan="3">10 57 13,893
105 05 50,608</td><td>7,23
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>6,03</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/5(2) đến cột mốc số 245/6(2) là 248°54'54,778", khoảng cách là 1013,76m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/6(1) đến cột mốc số 245/6(2) là 175°46'59,506", khoảng cách là 208,48m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/6(2) đến cột mốc số 246(1) là 274°44'01,736", khoảng cách là 1609,66m.</td><td colspan="3"> 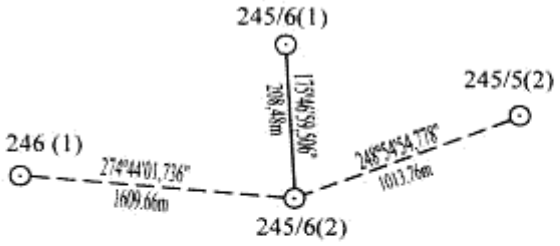
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 246(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 16 tháng 6 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 246(1) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 246(1) đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac) và trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) là 153,89m.
Khoảng cách từ cột mốc số 246(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 246(2) là 38,94m.
Khoảng cách từ cột mốc số 246(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 246(3) là 144,34m.</td><td rowspan="3">1211012,19
509036,87</td><td rowspan="3">10 57 18,234
105 04 57,754</td><td>10,48
(2,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>8,28</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/6(2) đến cột mốc số 246(1) là 274°44'01,736", khoảng cách là 1609,66m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246(1) đến cột mốc số 246(2) là 272°37'51,809", khoảng cách là 143,34m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246(1) đến cột mốc số 246(3) là 16°45'31,760", khoảng cách là 343,58m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246(2) đến cột mốc số 246(3) là 36°55'16,781", khoảng cách là 403,28m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246(1) đến cột mốc số 246/1(1) là 230°54'04,288", khoảng cách là 606,40m.</td><td colspan="3"> 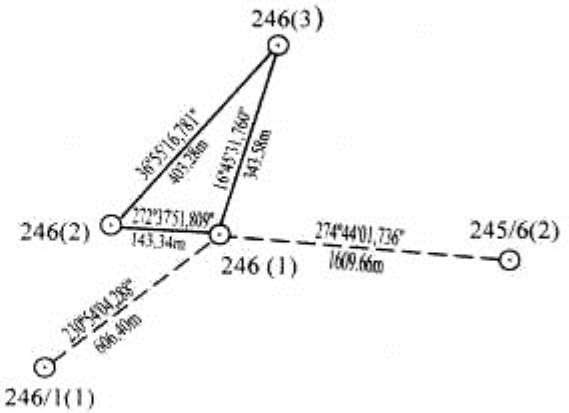
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 246(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 16 tháng 6 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 246(2) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 246(2) đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac) và trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) là 208,97m.
Khoảng cách từ cột mốc số 246(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 246(1) là 104,40m.</td><td rowspan="3">1211018,77
508893,68</td><td rowspan="3">10 57 18,449
105 04 53,036</td><td>10,69
(4,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>6,49</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/6(2) đến cột mốc số 246(2) là 274°33'42,858", khoảng cách là 1752,91m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246(1) đến cột mốc số 246(2) là 272°37'51,809", khoảng cách là 143,34m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246(1) đến cột mốc số 246(3) là 16°45'31,760", khoảng cách là 343,58m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246(2) đến cột mốc số 246(3) là 36°55'16,781", khoảng cách là 403,28m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246(2) đến cột mốc số 246/1(1) là 220°05'08,229", khoảng cách là 508,45m.</td><td colspan="3"> 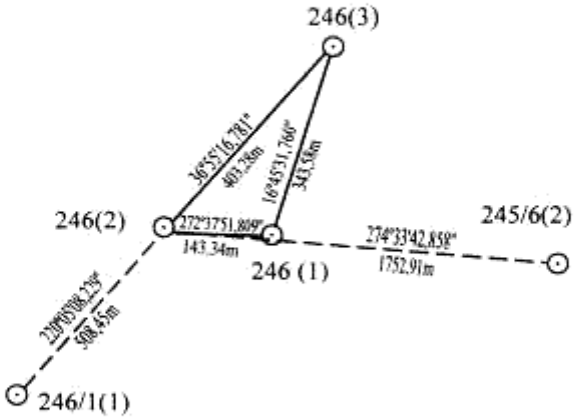
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 246(3)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc ba cùng số, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 16 tháng 6 năm 2012</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 246(3) cắm trên bờ sông Hậu (tôn lê Bassac) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 246(3) đến giao điểm trung tuyến luồng của sông Hậu (tôn lê Bassac) và trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) là 198,79m.
Khoảng cách từ cột mốc số 246(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 246(1) là 199,24m.</td><td rowspan="3">1211341,18
509135,94</td><td rowspan="3">10 57 28,944
105 05 01,022</td><td>10,03
(4,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,83</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 245/6(2) đến cột mốc số 246(3) là 287°03'29,830", khoảng cách là 1574,36m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246(1) đến cột mốc số 246(2) là 272°37'51,809", khoảng cách là 143,34m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246(1) đến cột mốc số 246(3) là 16°45'31,760", khoảng cách là 343,58m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246(2) đến cột mốc số 246(3) là 36°55'16,781", khoảng cách là 403,28m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246(3) đến cột mốc số 246/1(1) là 218°41'09,680", khoảng cách là 911,40m.</td><td colspan="3"> 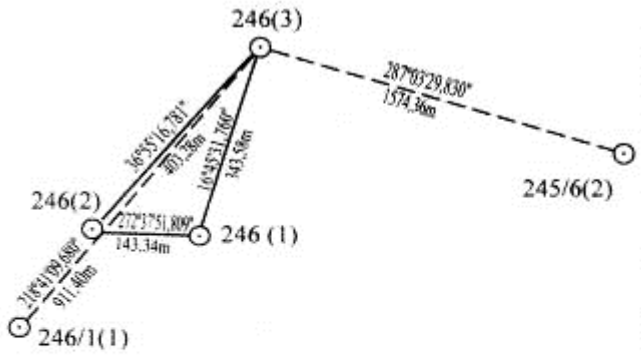
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 246/1(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 04 tháng 8 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 246/1(1) cắm trên bờ rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 246/1(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 246/1(1) và cột mốc số 246/1(2) với trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) là 65,46m.</td><td rowspan="3">1210629,76
508566,27</td><td rowspan="3">10 57 05,787
105 04 42,245</td><td>7,66
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>6,46</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246(3) đến cột mốc số 246/1(1) là 218°41'09,680", khoảng cách là 911,40m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246/1(1) đến cột mốc số 246/1(2) là 100°54'17,789", khoảng cách là 128,18m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246/1(1) đến cột mốc số 246/2(1) là 167°23'57,025", khoảng cách là 404,71m.</td><td colspan="3"> 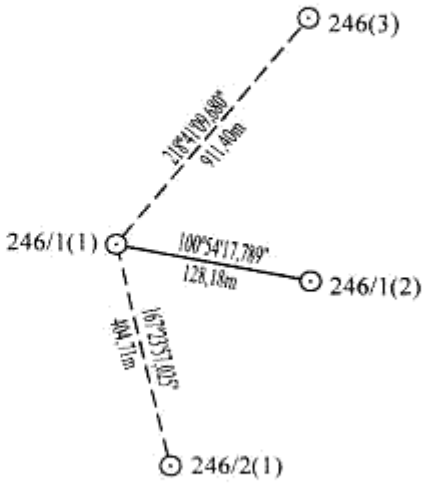
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 246/1(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 16 tháng 8 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 246/1(2) cắm trên bờ rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 246/1(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 246/1(2) và cột mốc số 246/1(1) với trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) là 62,72m.</td><td rowspan="3">1210605,51
508692,14</td><td rowspan="3">10 57 04,996
105 04 46,392</td><td>6,82
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,62</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246(3) đến cột mốc số 246/1(2) là 211°06'03,183", khoảng cách là 859,17m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246/1(1) đến cột mốc số 246/1(2) là 100°54'17,789", khoảng cách là 128,18m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246/1(2) đến cột mốc số 246/2(1) là 185°47'18,503", khoảng cách là 372,61m.</td><td colspan="3"> 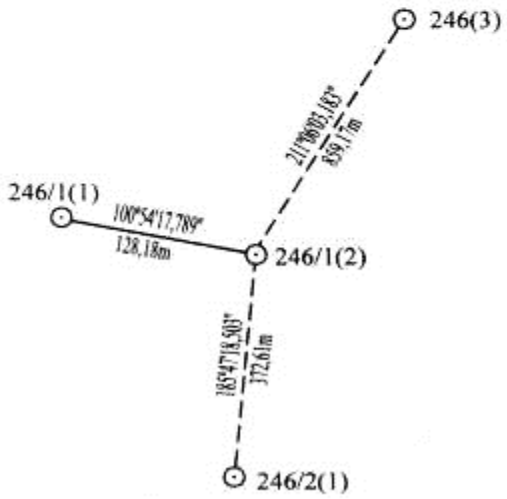
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 246/2(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 04 tháng 8 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 246/2(1) cắm trên bờ rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 246/2(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 246/2(1) và cột mốc số 246/2(2) với trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) là 46,95m.</td><td rowspan="3">1210234,80
508654,56</td><td rowspan="3">10 56 52,927
105 04 45,151</td><td>7,81
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>6,61</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246/1(2) đến cột mốc số 246/2(1) là 185°47'18,503", khoảng cách là 372,61m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246/2(1) đến cột mốc số 246/2(2) là 92°54'09,840", khoảng cách là 99,33m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246/2(1) đến cột mốc số 246/3(1) là 191°12'24,045", khoảng cách là 869,52m.</td><td colspan="3"> 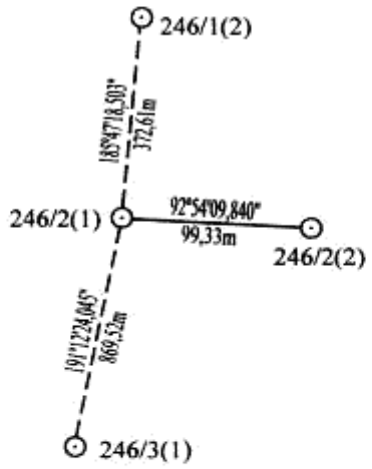
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 246/2(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 25 tháng 8 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 246/2(2) cắm trên bờ rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 246/2(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 246/2(2) và cột mốc số 246/2(1) với trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) là 52,38m.</td><td rowspan="3">1210229,77
508753,76</td><td rowspan="3">10 56 52,762
105 04 48,419</td><td>6,27
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,07</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246/1(2) đến cột mốc số 246/2(2) là 170°41'11,771", khoảng cách là 380,76m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246/2(1) đến cột mốc số 246/2(2) là 92°54'09,840", khoảng cách là 99,33m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 246/2(2) đến cột mốc số 246/3(1) là 197°33'06,917", khoảng cách là 889,31m.</td><td colspan="3"> 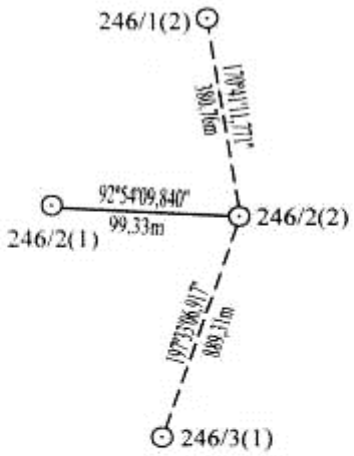
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 246/3(1)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 04 tháng 08 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 246/3(1) cắm trên bờ rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) phía Campuchia.
Khoảng cách từ cột mốc số 246/3(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 246/3(1) và cột mốc số 246/3(2) với trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) là 62,21m.</td><td rowspan="3">1209381,86
508485,57</td><td rowspan="3">10 56 25,158
105 04 39,576</td><td>8,00
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>6,80</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 246/2(2) đến cột mốc số 246/3(1) là 197°33'06,917", khoảng cách là 889,31m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 246/3(1) đến cột mốc số 246/3(2) là 88°34'36,463", khoảng cách là 119,18m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 246/3(1) đến cột mốc số ... là ..., khoảng cách là ... m.</td><td colspan="3"> 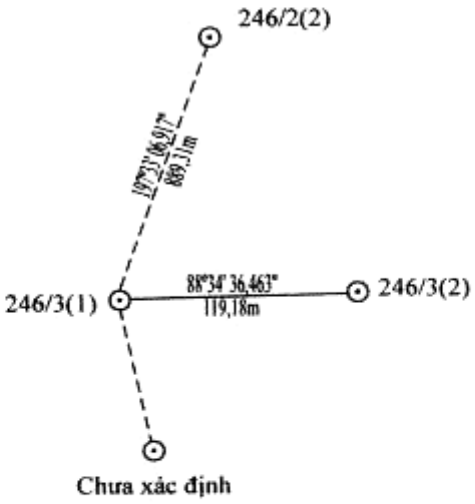
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 246/3(2)

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đôi cùng số</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 16 tháng 08 năm 2017</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Toạ độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Toạ độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Toạ độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 246/3(2) cắm trên bờ rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) phía Việt Nam.
Khoảng cách từ cột mốc số 246/3(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền với cột mốc số 246/3(2) và cột mốc số 246/3(1) với trung tuyến luồng của rạch Bình Ghi (prêch Chrây Thum) là 56,97m</td><td rowspan="3">1209384,82
508604,71</td><td rowspan="3">10 56 25,253
105 04 43,501</td><td>6,26
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,06</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị toạ độ cột mốc số 246/2(2) đến cột mốc số 246/3(2) là 190°00'14,801", khoảng cách là 858,00m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 246/3(1) đến cột mốc số 246/3(2) là 88°34'36,463", khoảng cách là 119,18m.
Góc phương vị toạ độ cột mốc số 246/3(2) đến cột mốc số ... là ..., khoảng cách là ... m.</td><td colspan="3"> 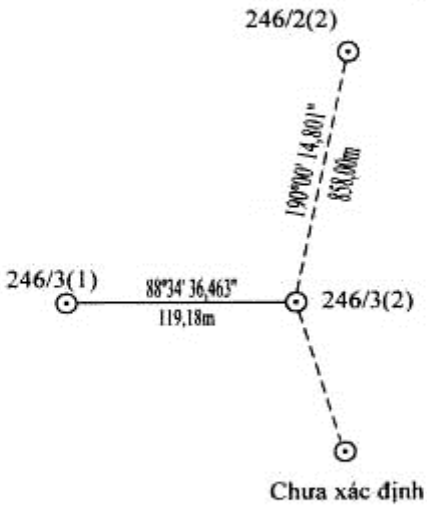
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 254

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 01 tháng 04 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 254 cắm trong ruộng.</td><td rowspan="3">1204069,52
503112,16</td><td rowspan="3">10 53 32,226
105 01 42,520</td><td>7,72
(5,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,52</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số ... đến cột mốc số 254 là ..., khoảng cách là ... m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 254 đến cột mốc số 254/1 là 167°17'20,776", khoảng cách là 762,12m.</td><td colspan="3"> 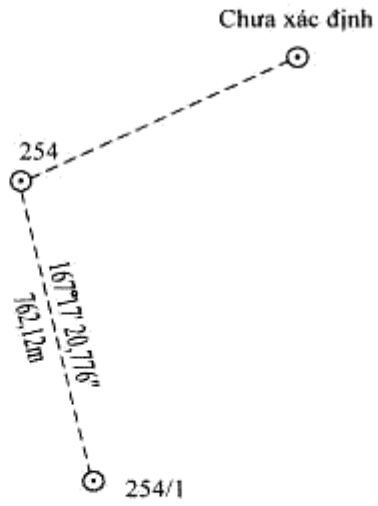
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 254/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 5 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 254/1 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1203326,08
503279,85</td><td rowspan="3">10 53 08,020
105 01 48,042</td><td>4,67
(2,30)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,37</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 254 đến cột mốc số 254/1 là 167°17'20,776", khoảng cách là 762,12m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 254/1 đến cột mốc số 254/2 là 162°37'21,940", khoảng cách là 566,86m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 254/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 3 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 254/2 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1202785,09
503449,15</td><td rowspan="3">10 52 50,406
105 01 53,617</td><td>3,55
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,35</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 254/1 đến cột mốc số 254/2 là 162°37'21,940", khoảng cách là 566,86m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 254/2 đến cột mốc số 255 là 169°15'51,523", khoảng cách là 1034,37m.</td><td colspan="3"> 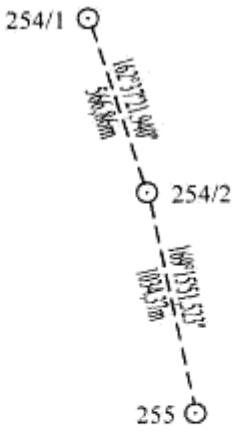
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 255

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 8 năm 2015</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 255 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1201768,83
503641,83</td><td rowspan="3">10 52 17,317
105 01 59,961</td><td>8,52
(6,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,32</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 254/2 đến cột mốc số 255 là 169°15'51,523", khoảng cách là 1034,37m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 255 đến cột mốc số 255/1 là 156°40'49,164", khoảng cách là 848,10m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 255/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 5 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 255/1 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1200990,01
503977,56</td><td rowspan="3">10 51 51,958
105 02 11,016</td><td>4,68
(2,30)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,38</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 255 đến cột mốc số 255/1 là 156°40'49,164", khoảng cách là 848,10m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 255/1 đến cột mốc số 255/2 là 152°48'59,012", khoảng cách là 606,88m.</td><td colspan="3"> 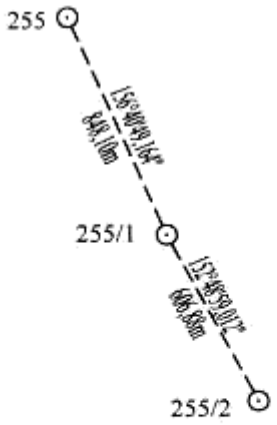
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 255/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 15 tháng 3 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 255/2 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1200450,16
504254,81</td><td rowspan="3">10 51 34,380
105 02 20,146</td><td>3,34
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,14</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 255/1 đến cột mốc số 255/2 là 152°48'59,012", khoảng cách là 606,88m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 255/2 đến cột mốc số 256 là 163°07'38,759", khoảng cách là 534,79m.</td><td colspan="3"> 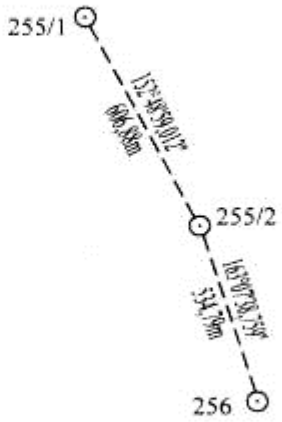
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 256

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 27 tháng 8 năm 2015</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 256 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1199938,39
504410,03</td><td rowspan="3">10 51 17,717
105 02 25,257</td><td>8,52
(6,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,32</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 255/2 đến cột mốc số 256 là 163°07'38,759", khoảng cách là 534,79m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 256 đến cột mốc số 256/1 là 153°44'54,604", khoảng cách là 464,99m.</td><td colspan="3"> 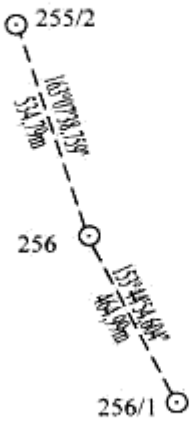
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 256/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 5 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 256/1 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1199521,36
504615,70</td><td rowspan="3">10 51 04,138
105 02 32,029</td><td>4,70
(2,30)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,40</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 256 đến cột mốc số 256/1 là 153°44'54,604", khoảng cách là 464,99m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 256/1 đến cột mốc số 256/2 là 155°47'48,770", khoảng cách là 478,45m.</td><td colspan="3"> 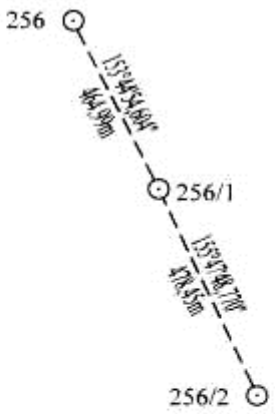
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 256/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 09 tháng 3 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 256/2 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1199084,97
504811,85</td><td rowspan="3">10 50 49,929
105 02 38,488</td><td>3,56
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,36</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 256/1 đến cột mốc số 256/2 là 155°47'48,770", khoảng cách là 478,45m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 256/2 đến cột mốc số 256/3 là 151°06'13,699", khoảng cách là 352,71m.</td><td colspan="3"> 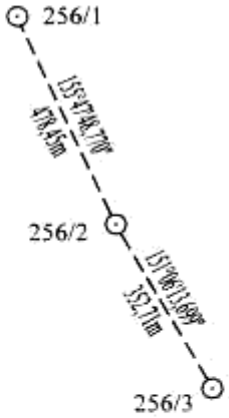
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 256/3

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 5 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 256/3 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1198776,17
504982,29</td><td rowspan="3">10 50 39,874
105 02 44,100</td><td>4,43
(2,30)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,13</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 256/2 đến cột mốc số 256/3 là 151°06'13,699", khoảng cách là 352,71m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 256/3 đến cột mốc số 256/4 là 141°00'41,908", khoảng cách là 748,42m.</td><td colspan="3"> 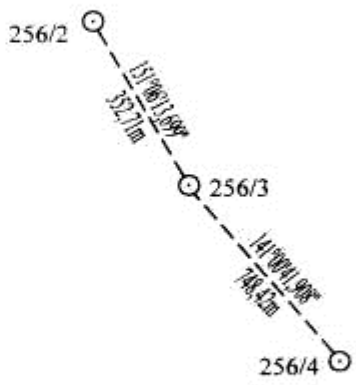
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 256/4

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 3 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 256/4 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1198194,44
505453,17</td><td rowspan="3">10 50 20,931
105 02 59,606</td><td>3,58
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,38</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 256/3 đến cột mốc số 256/4 là 141°00'41,908", khoảng cách là 748,42m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 256/4 đến cột mốc số 257 là 157°41'31,187", khoảng cách là 370,27m.</td><td colspan="3"> 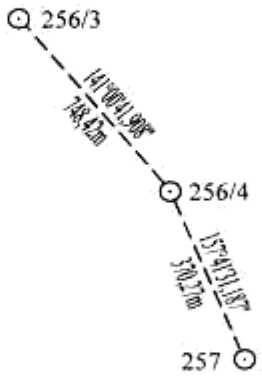
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 257

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 8 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 257 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1197851,88
505593,72</td><td rowspan="3">10 50 09,777
105 03 04,233</td><td>8,21
(5,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,01</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 256/4 đến cột mốc số 257 là 157°41'31,187", khoảng cách là 370,27m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 257 đến cột mốc số 257/1 là 154°29'09,587", khoảng cách là 618,04m.</td><td colspan="3"> 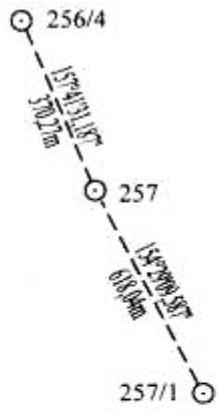
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 257/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 3 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 257/1 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1197294,11
505859,93</td><td rowspan="3">10 49 51,615
105 03 12,998</td><td>4,68
(2,30)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,38</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 257 đến cột mốc số 257/1 là 154°29'09,587", khoảng cách là 618,04m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 257/1 đến cột mốc số 257/2 là 154°58'07,206", khoảng cách là 1143,55m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 257/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 15 tháng 3 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 257/2 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1196257,97
506343,78</td><td rowspan="3">10 49 17,877
105 03 28,927</td><td>4,50
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,30</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 257/1 đến cột mốc số 257/2 là 154°58'07.206", khoảng cách là 1143,55m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 257/2 đến cột mốc số 258 là 153°31'51.494", khoảng cách là 218,82m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 258

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 17 tháng 8 năm 2011</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 258 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1196062,09
506441,31</td><td rowspan="3">10 49 11,499
105 03 32,138</td><td>7,79
(5,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,59</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 257/2 đến cột mốc số 258 là 153°31'51,494", khoảng cách là 218,82m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 258 đến cột mốc số 258/1 là 183°26'57,888", khoảng cách là 452,24m.</td><td colspan="3"> 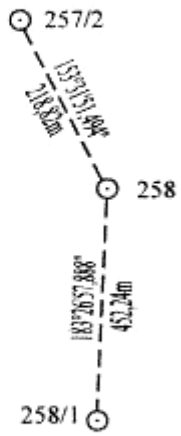
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 258/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 02 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 258/1 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1195610,67
506414,10</td><td rowspan="3">10 48 56,801
105 03 31,239</td><td>5,44
(2,30)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,14</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 258 đến cột mốc số 258/1 là 183°26'57,888", khoảng cách là 452,24m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 258/1 đến cột mốc số 258/2 là 183°26'12,639", khoảng cách là 455,56m.</td><td colspan="3"> 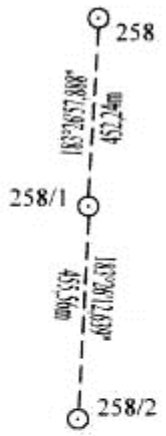
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 258/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 01 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 258/2 cắm phía Nam rạch không tên.</td><td rowspan="3">1195155,93
506386,79</td><td rowspan="3">10 48 41,995
105 03 30,337</td><td>4,21
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>3,01</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 258/1 đến cột mốc số 258/2 là 183°26'12,639", khoảng cách là 455,56m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 258/2 đến cột mốc số 259 là 183°26'47,097", khoảng cách là 624,47m.</td><td colspan="3"> 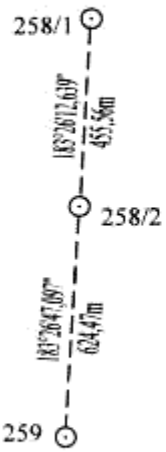
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 259

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 22 tháng 6 năm 2010</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 259 cắm trên bãi đất trống.</td><td rowspan="3">1194532,59
506349,25</td><td rowspan="3">10 48 21,700
105 03 29,096</td><td>8,14
(5,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,94</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 258/2 đến cột mốc số 259 là 183°26'47,097", khoảng cách là 624,47m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 259 đến cột mốc số 259/1 là 152°07'54,809", khoảng cách là 231,86m.</td><td colspan="3"> 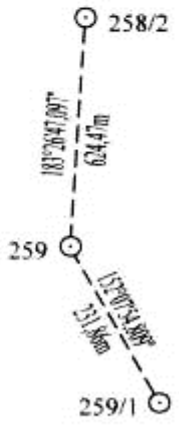
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 259/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 5 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 259/1 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1194327,62
506457,63</td><td rowspan="3">10 48 15,026
105 03 32,665</td><td>4,31
(2,00)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,31</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 259 đến cột mốc số 259/1 là 152°07'54,809", khoảng cách là 231,86m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 259/1 đến cột mốc số 259/2 là 152°09'30,982", khoảng cách là 261,21m.</td><td colspan="3"> 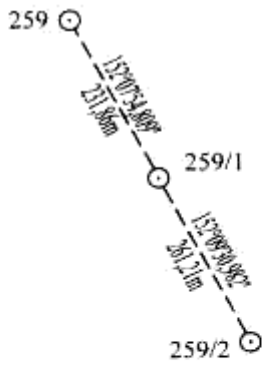
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 259/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 5 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 259/2 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1194096,65
506579,62</td><td rowspan="3">10 48 07,505
105 03 36,680</td><td>3,58
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,38</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 259/1 đến cột mốc số 259/2 là 152°09'30,982", khoảng cách là 261,21m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 259/2 đến cột mốc số 259/3 là 152°08'17,614", khoảng cách là 276,07m.</td><td colspan="3">
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 259/3

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 11 tháng 5 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 259/3 cắm trên bờ ruộng.</td><td rowspan="3">1193852,58
506708,64</td><td rowspan="3">10 47 59,558
105 03 40,927</td><td>4,78
(2,00)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,78</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 259/2 đến cột mốc số 259/3 là 152°08'17,614", khoảng cách là 276,07m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 259/3 đến cột mốc số 260 là 152°08'08,369", khoảng cách là 319,31m.</td><td colspan="3"> 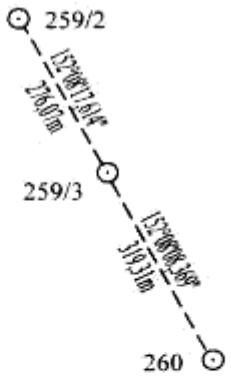
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 260

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn, loại C</td><td>Đá hoa cương</td><td colspan="2">Ngày 23 tháng 9 năm 2009</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 260 cắm trên bờ phía Đông kênh Pol Sa Rươn.</td><td rowspan="3">1193570,29
506857,88</td><td rowspan="3">10 47 50,366
105 03 45,840</td><td>8,79
(3,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>5,59</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 259/3 đến cột mốc số 260 là 152°08'08,369", khoảng cách là 319,31m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 260 đến cột mốc số 260/1 là 175°41'58,365", khoảng cách là 922,70m.</td><td colspan="3"> 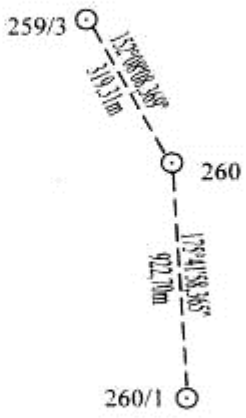
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 260/1

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 26 tháng 02 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 260/1 cắm trên bờ phía Đông kênh Pol Sa Rươn.</td><td rowspan="3">1192650,19
506927,07</td><td rowspan="3">10 47 20,408
105 03 48,112</td><td>4,97
(2,30)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>2,67</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 260 đến cột mốc số 260/1 là 175°41'58,365", khoảng cách là 922,70m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 260/1 đến cột mốc số 260/2 là 174°42'08,137", khoảng cách là 944,97m.</td><td colspan="3"> 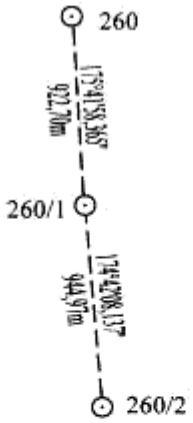
</td></tr>
</table>

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 260/2

<table>
<tr><td>Loại hình mốc</td><td>Vật liệu làm mốc</td><td colspan="2">Thời gian cắm mốc</td></tr>
<tr><td>Mốc đơn</td><td>Bê tông cốt thép</td><td colspan="2">Ngày 08 tháng 02 năm 2018</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Vị trí mốc</td><td colspan="2">Tọa độ</td><td rowspan="2">Độ cao
(Chiều cao mốc)
(m)</td></tr>
<tr><td>Tọa độ vuông góc
X(m)
Y(m)</td><td>Tọa độ địa lý
B(° ' ")
L(° ' ")</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Cột mốc số 260/2 cắm trên bờ phía Đông kênh Pol Sa Rươn.</td><td rowspan="3">1191709,26
507014,32</td><td rowspan="3">10 46 49,772
105 03 50,979</td><td>5,27
(1,20)</td></tr>
<tr><td>Độ cao mặt đất
(m)</td></tr>
<tr><td>4,07</td></tr>
<tr><td>Vị trí và khoảng cách giữa các mốc</td><td colspan="3">Sơ đồ vị trí mốc</td></tr>
<tr><td>Góc phương vị tọa độ cột mốc số 260/1 đến cột mốc số 260/2 là 174°42'08,137", khoảng cách là 944,97m.
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 260/2 đến cột mốc số 261 là 84°20'04,192", khoảng cách là 104,94m.</td><td colspan="3"> 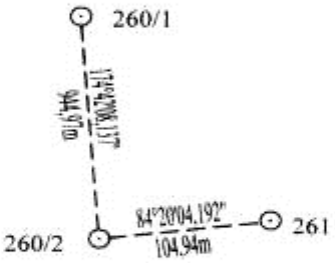
</td></tr>
</table>

1640

(Xem tiếp Công báo số 193 + 194)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng